



PHỤ LỤC I

CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM XIN Ý KIẾN NHÂN DÂN VỀ DỰ THẢO BỘ LUẬT HÌNH SỰ (SỬA ĐỔI)

1. Vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân và loại tội pháp nhân chịu trách nhiệm hình sự

a) Về trách nhiệm hình sự của pháp nhân

Theo quy định của Bộ luật Hình sự (BLHS) hiện hành, việc truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS) chỉ đặt ra đối với cá nhân (con người cụ thể).

Dự thảo BLHS (sửa đổi) lần này bổ sung TNHS của pháp nhân (các Điều 2, 3, 6, 8 và các Điều thuộc Chương XI - Những quy định đối với pháp nhân phạm tội).

Về vấn đề này có hai loại ý kiến:

- *Loại ý kiến thứ nhất cho rằng*, cho đến thời điểm này, việc quy định TNHS của pháp nhân trong BLHS là cần thiết, vì:

Thứ nhất, tình hình vi phạm pháp luật do pháp nhân thực hiện diễn ra phức tạp và ngày càng nghiêm trọng, nhất là các hành vi gây ô nhiễm môi trường, buôn lậu, trốn thuế, sản xuất, vận chuyển, buôn bán hàng giả, hàng cấm, trốn đóng bảo hiểm cho người lao động... gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sống an lành của người dân và gây mất trật tự, an toàn xã hội.

Thứ hai, mặc dù chúng ta đã có chế tài xử phạt vi phạm hành chính và có quy định trong pháp luật dân sự, kinh tế để người dân, cơ quan, tổ chức kiện đòi bồi thường thiệt hại đối với pháp nhân có hành vi vi phạm, nhưng trên thực tế, các quy định này còn bất cập, kém hiệu quả. Điều này dẫn đến trên thực tế có tình trạng pháp nhân coi thường pháp luật, ngang nhiên vi phạm. Mặt khác, mức phạt tiền trong Luật Xử lý vi phạm hành chính còn thấp, chưa đủ sức răn đe. Mức tối đa áp dụng đối với pháp nhân không vượt quá 2 tỷ đồng. Với mức phạt này, nhiều pháp nhân, nhất là các pháp nhân là các tập đoàn lớn hoặc các công ty đa quốc gia có thể chấp nhận nộp phạt để tiếp tục vi phạm. Hơn nữa, dưới khía cạnh bảo vệ người dân (đối tượng bị gây thiệt hại do hành vi vi phạm của pháp nhân gây ra), thủ tục kiện đòi bồi thường thiệt hại của người dân đối với pháp nhân phức tạp, nên người dân khó có điều kiện để bảo vệ quyền lợi của mình như: Quy định về nghĩa vụ chứng minh thiệt hại (nguyên nhân, mức độ thiệt hại) thuộc về bản thân bị hại, hay quy

định buộc người bị hại phải nộp một khoản tiền án phí dân sự. Khoản tiền này trong một số trường hợp cũng là không nhỏ đối với người dân.

Thứ ba, việc quy định xử lý hình sự đối với pháp nhân là xu thế chung trên thế giới. Hiện nay trên thế giới có 119 nước quy định TNHS đối với pháp nhân. Hiệp hội các nước Đông Nam Á là 5 nước, một nước đang xem xét quy định. Trong xu thế đó, nếu ta không quy định TNHS của pháp nhân trong BLHS thì sẽ tạo ra sự bất bình đẳng trong việc xử lý pháp nhân vi phạm. Cụ thể: các pháp nhân Việt Nam ra nước ngoài làm ăn mà vi phạm có thể bị truy cứu TNHS, bị phạt rất nặng, trong khi đó, doanh nghiệp nước ngoài vào đầu tư, làm ăn tại Việt Nam dù vi phạm đến mức nào, theo quy định hiện nay cũng chỉ bị phạt cao nhất là 2 tỷ đồng.

Thứ tư, theo truyền thống lập pháp của ta, đối với các vi phạm nhỏ, mức độ nguy hiểm thấp thì chúng ta xử phạt vi phạm hành chính. Đối với các vi phạm có mức độ nguy hiểm cao thì chúng ta coi là tội phạm và áp dụng chế tài hình sự để xử lý. Tuy nhiên, đối với hành vi luôn có mức độ nguy hiểm cao như: phạm tội có tổ chức xuyên quốc gia, tham nhũng, rửa tiền, buôn bán người, tài trợ khủng bố là nghĩa vụ quốc tế bắt buộc của nước ta với tư cách là quốc gia thành viên Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, Công ước chống tham nhũng, thành viên Nhóm Châu Á - Thái Bình Dương về phòng, chống rửa tiền (APG) thì luôn xác định là tội phạm mà không bị xử phạt hành chính. Do đó, nếu không quy định TNHS của pháp nhân, thì không thể xử lý được các pháp nhân khi thực hiện một trong các hành vi nêu trên.

Thứ năm, để giảm thiểu tác động tiêu cực khi áp dụng hình phạt tước giấy phép vĩnh viễn hoặc đình chỉ vĩnh viễn hoạt động của pháp nhân, dự thảo BLHS quy định đối với pháp nhân phạm tội chủ yếu áp dụng hình phạt tiền. Việc áp dụng hình phạt tước giấy phép hoạt động của pháp nhân chỉ đặt ra trong hai trường hợp: (i) Pháp nhân phạm tội gây hậu quả hoặc đe dọa gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng đến tính mạng của nhiều người, đến môi trường và trật tự, an toàn xã hội và hậu quả gây ra không có khả năng khắc phục trên thực tế; và (ii) Pháp nhân sử dụng giấy phép hoặc đăng ký kinh doanh làm vỏ bọc để thực hiện một trong các tội phạm quy định tại Điều 76 của Bộ luật này.

- *Loại ý kiến thứ hai* cho rằng, không nên quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân tại thời điểm này vì:

Thứ nhất, hiện nay chúng ta đã có các chế tài xử phạt vi phạm hành chính, hoặc cơ chế kiện đòi bồi thường thiệt hại trong tố tụng dân sự, kinh tế để xử lý các pháp nhân vi phạm;

Thứ hai, theo quan niệm truyền thống lập pháp hình sự của ta thì Bộ luật hình sự chỉ truy cứu TNHS đối với cá nhân có hành vi phạm tội; việc quy định TNHS của pháp nhân trong Bộ luật hình sự sẽ không phù hợp với quan niệm truyền thống về khoa học luật hình sự Việt Nam của ta là chỉ truy cứu TNHS đối với cá nhân.

Thứ ba, ngoài hình phạt tiền, việc áp dụng hình phạt tước giấy phép hoạt động đối với pháp nhân trong một số trường hợp có thể ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động.

b) Loại tội mà pháp nhân phải chịu TNHS

Điều 76 của dự thảo BLHS (sửa đổi) quy định pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự về 32 tội danh, cụ thể là:

- Điều 149 (tội mua bán người); Điều 150 (tội mua bán trẻ em);
- Điều 190 (tội buôn lậu); Điều 191 (tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới); Điều 192 (tội sản xuất, buôn bán hàng cấm); Điều 193 (tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm); Điều 194 (tội sản xuất, buôn bán hàng giả); Điều 195 (tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm); Điều 196 (tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh); Điều 197 (tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi); Điều 204 (tội trốn thuế); Điều 207 (tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ); Điều 213 (tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu sự thật trong hoạt động chứng khoán); Điều 214 (tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán); Điều 215 (tội thao túng giá thị trường chứng khoán); Điều 220 (tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động); Điều 221 (tội vi phạm quy định về cạnh tranh); Điều 223 (tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan); Điều 224 (tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp);
- Điều 231 (tội gây ô nhiễm môi trường); Điều 232 (tội vi phạm quy định về xử lý chất thải nguy hại); Điều 236 (tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam); Điều 239 (tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản); Điều 240 (tội hủy hoại rừng); Điều 241 (tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ);
- Điều 307 (tội vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở những nơi đông người); Điều 313 (tội tài trợ khủng bố); Điều 328 (tội sản xuất, kinh doanh thực phẩm không đảm bảo an toàn); Điều 336 (tội rửa tiền);
- Điều 367 (tội nhận hối lộ); Điều 377 (tội đưa hối lộ);

- Điều 393 (tội không chấp hành án).

Về vấn đề này, có hai loại ý kiến:

- *Loại ý kiến thứ nhất* đồng tình với quy định của dự thảo Bộ luật và cho rằng việc quy định diện các loại tội mà pháp nhân phải chịu TNHS phải tương đối bao quát đủ để xử lý các hành vi vi phạm nghiêm trọng của pháp nhân gây thiệt hại cho kinh tế, môi trường và tính mạng, sức khỏe của con người. Trên tinh thần đó, đồng tình với quy định của dự thảo Bộ luật.

- *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị đây là vấn đề mới, nên trước mắt, chỉ nên tập trung xử lý hình sự các hành vi do pháp nhân thực hiện xảy ra tương đối phổ biến và thật sự gây bức xúc trong nhân dân. Cụ thể là 15 tội, gồm: buôn lậu (Điều 190); trốn thuế (Điều 204); cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu sự thật trong hoạt động chứng khoán (Điều 213); sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán (Điều 214); thao túng giá thị trường chứng khoán (Điều 215); trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động (Điều 221); gây ô nhiễm môi trường (Điều 231); vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại (Điều 232); đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam (Điều 236); hủy hoại nguồn lợi thủy sản (Điều 239); hủy hoại rừng (Điều 240); tài trợ khủng bố (Điều 313); rửa tiền (Điều 336); nhận hối lộ (Điều 367); đưa hối lộ (Điều 377).

2. Về phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên và các biện pháp thay thế xử lý hình sự áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội

a) Phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên

Điều 12 BLHS hiện hành quy định: “Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng”.

Dự thảo Bộ luật lần này (Điều 12) kế thừa quy định của BLHS hiện hành nhưng chỉ rõ hơn những tội phạm cụ thể mà người chưa thành niên từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phải chịu TNHS. Cụ thể là:

“Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về *tội giết người, tội hiếp dâm, tội hiếp dâm trẻ em, tội cưỡng dâm trẻ em, tội cướp tài sản, tội cướp giật tài sản và tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều sau đây*:

a) Điều 133 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác); Điều 142 (tội cưỡng dâm);

b) Điều 168 (tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản); Điều 169 (tội cưỡng đoạt tài sản); Điều 172 (tội trộm cắp tài sản); Điều 177 (tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản);

c) Điều 249 (tội sản xuất trái phép chất ma túy); Điều 250 (tội tàng trữ, trái phép chất ma túy); Điều 251 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy); Điều 252 (tội mua bán trái phép chất ma túy); Điều 253 (tội chiếm đoạt chất ma túy);

d) Điều 275 (tội đua xe trái phép);

đ) Điều 294 (tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm dùng để tấn công mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử); Điều 295 (tội phát tán vi rút, chương trình tin học có tính năng gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử); Điều 296 (tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử); Điều 298 (tội truy cập bất hợp pháp vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác); Điều 299 (tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản); Điều 300 (tội truy cập trái phép tài khoản ngân hàng của tổ chức, cá nhân chiếm đoạt tài sản); Điều 304 (tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa thông tin về tài khoản ngân hàng); Điều 305 (sản xuất mua bán, tàng trữ, lưu hành thẻ ngân hàng giả để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản);

e) Điều 311 (tội chiếm đoạt vũ khí quân dụng); Điều 316 (tội phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia)".

- Về vấn đề này, hiện có hai loại ý kiến:

- *Loại ý kiến thứ nhất* đồng tình với quy định tại Điều 12 của dự thảo BLHS (sửa đổi) vì:

Thứ nhất, theo quy định hiện hành thì diện các tội phạm mà trẻ em phải chịu trách nhiệm hình sự là khá rộng và quan trọng hơn là quy định này không rõ ràng, minh bạch, nên bản thân các em không thể hoặc khó có thể biết được chính xác khi nào thì hành vi bị coi là tội phạm. Điều này dẫn đến công tác phòng ngừa không đạt hiệu quả.

Thứ hai, thực tế cho thấy, số trường hợp trẻ em từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi tự mình thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng là không nhiều và chủ yếu tập trung vào một số tội thuộc nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người, các tội xâm phạm sở hữu. Còn lại phần lớn các trường hợp khác các em tham gia thực hiện tội phạm là do bị người lớn xúi giục, lôi kéo, mua chuộc, đe dọa,...., bản thân các em không nhận thức được một cách đầy đủ về tính chất, mức độ nguy hiểm của loại tội phạm mà mình đã

thực hiện (ví dụ: các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội phạm về kinh tế, môi trường, các tội phá hoại hòa bình, chống loài người, tội phạm chiến tranh, ...). Vì vậy, việc xử lý hình sự đối với các em trong những trường hợp này có phần quá nghiêm khắc và ít có tác dụng giáo dục, phòng ngừa, giúp các em nhận ra và sửa chữa lỗi lầm của bản thân.

Do đó, BLHS cần khoanh lại một số tội mà người chưa thành niên ở độ tuổi này hay thực hiện và quy định rõ những tội danh cụ thể thuộc một số nhóm tội phạm mà người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phải chịu TNHS. như: các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; các tội xâm phạm sở hữu; các tội phạm về ma túy và các tội phạm xâm phạm trật tự, an toàn công cộng.

- *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị giữ nguyên quy định hiện hành (Điều 12): “Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng”, vì nếu quy định như dự thảo BLHS thì dễ dẫn đến bỏ lọt tội phạm.

b) *Các biện pháp thay thế xử lý hình sự áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội*

BLHS hiện hành không quy định các biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội mà chỉ quy định miễn TNHS đối với người chưa thành niên phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, gây hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình, cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục (khoản 2 Điều 69).

Dự thảo BLHS (sửa đổi) đã bổ sung các biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội cụ thể là Khiển trách (Điều 91), Hòa giải tại cộng đồng (Điều 92), Giám sát, giáo dục tại gia đình hoặc giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức (Điều 93).

Về vấn đề này có hai loại ý kiến:

- *Loại ý kiến thứ nhất* cho rằng, việc bổ sung quy định về biện pháp thay thế xử lý hình sự như trong dự thảo BLHS (sửa đổi) là cần thiết để tiếp tục thực hiện chủ trương nhân đạo hóa, tăng tính hướng thiện trong chính sách xử lý hình sự theo tinh thần Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp, nhất là đối với đối tượng cần bảo vệ đặc biệt là người chưa thành niên theo hướng hạn chế khả năng đưa người chưa thành niên vào vòng quay tố tụng. Việc bổ sung các quy định này nhằm khắc phục bất cập của quy định hiện hành, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục tại cộng đồng đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật.

- *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị giữ nguyên như quy định hiện hành (tại khoản 2 Điều 69), đồng thời cụ thể hóa các điều kiện để được miễn trách nhiệm hình sự đối

với người chưa thành niên, giúp các cơ quan tố tụng có cơ sở pháp lý đầy đủ, rõ ràng để áp dụng trên thực tế.

3. Việc bỏ hình phạt tử hình ở một số tội; quy định không áp dụng hình phạt tử hình, không thi hành án tử hình trong một số trường hợp; quy định không giảm án đối với người bị kết án tử hình nhưng được ân giảm xuống tù chung thân.

a) Về bỏ hình phạt tử hình đối với một số tội phạm

BLHS hiện hành quy định hình phạt tử hình đối với 22 tội danh.

Dự thảo BLHS (sửa đổi) dự kiến bỏ hình phạt tử hình đối với 07 tội danh, cụ thể là các tội: cướp tài sản; phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia; chống mệnh lệnh; đầu hàng địch; phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược; chống loài người, tội phạm chiến tranh (các Điều 164, 314, 404, 410, 433, 434 và Điều 435), đồng thời, dự kiến bỏ hình phạt tử hình đối với hành vi phạm tội vận chuyển, tàng trữ trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy quy định tại Điều 194 của BLHS hiện hành.

Về vấn đề này hiện có hai loại ý kiến:

- *Loại ý kiến thứ nhất* tán thành phương án bỏ hình phạt tử hình đối với 07 tội danh cũng như hành vi phạm tội vận chuyển, tàng trữ trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trong dự thảo BLHS (sửa đổi) và đề nghị nếu có quy định hình phạt chung thân không giảm án thì nên rà soát để bỏ thêm hình phạt tử hình đối với một số tội phạm nữa, vì:

Thứ nhất, điều này là nhằm tiếp tục thực hiện chủ trương giảm áp dụng hình phạt tử hình theo tinh thần Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp.

Thứ hai, đối với tội phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia (Điều 231 BLHS hiện hành): từ BLHS năm 1985 đến BLHS năm 1999, tội phạm này đã có sự chuyển đổi về khách thể xâm hại từ an ninh quốc gia sang trật tự, an toàn xã hội, và do vậy, tầm quan trọng và yêu cầu bảo vệ khách thể đối với tội này cũng đã có sự thay đổi không còn ở mức cao như trước đây. Hơn nữa, đối tượng xâm hại của tội này là tài sản dưới dạng các công trình, phương tiện có tầm quan trọng về an ninh quốc gia, trước đây đều thuộc sở hữu Nhà nước nên có chính sách xử lý nghiêm khắc hơn, nhưng nay thuộc nhiều sở hữu của các thành phần kinh tế khác nhau mà về nguyên tắc, phải được bảo vệ như nhau theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013. Do vậy, hình phạt tù chung thân đối với tội phạm này là đủ nghiêm khắc. Ngoài ra, thực tiễn cũng cho thấy, trong khoảng 10 năm trở lại đây, các Tòa án không áp dụng hình phạt tử hình đối với những người phạm tội này. Mặt khác, việc bỏ tử hình đối với tội danh này không bó tay chúng ta trong

việc xử lý tội phạm, bởi lẽ, trong một số trường hợp nhất định, người thực hiện hành vi phá hủy công trình, phương tiện có tầm quan trọng về an ninh quốc gia có thể bị xử lý về các tội phạm tương ứng trong BLHS, ví dụ: tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước CHXHCN Việt Nam (Điều 85); tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 84) hoặc tội khủng bố (Điều 230a) là những tội có quy định hình phạt tử hình.

Thứ ba, đối với tội phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược (Điều 341 BLHS hiện hành), tội chống loài người (Điều 342 BLHS hiện hành) và tội phạm chiến tranh (Điều 343 BLHS hiện hành): Thực tiễn thi hành BLHS cho thấy, tuy các tội danh này có quy định hình phạt tử hình nhưng trên thực tế từ năm 1985 đến nay chưa có trường hợp nào phạm các tội này và bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đây là những tội chủ yếu mang tính phòng ngừa. Hơn nữa, xu hướng quốc tế cũng đã bỏ hình phạt tử hình đối với các tội phạm này. Liên bang Nga cũng chỉ giữ lại hình phạt tử hình đối với tội diệt chủng - một trong số tám tội danh thuộc nhóm các tội phá hoại hòa bình và an ninh loài người. Trong điều kiện chúng ta đang thực hiện chủ trương của Đảng về giảm hình phạt tử hình thì việc bỏ hình phạt tử hình đối với các tội danh này là cần thiết. Trường hợp cần thiết có thể xử lý về một số tội danh khác có quy định hình phạt tử hình, ví dụ như: các tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội giết người, ... Do vậy, việc bỏ hình phạt tử hình đối với 03 tội này sẽ không ảnh hưởng nhiều đến thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm mà lại góp phần làm giảm bớt số lượng tội danh có quy định hình phạt tử hình trong BLHS.

Thứ tư, đối với tội cướp tài sản (Điều 133 BLHS hiện hành): Bản chất của tội này là tước đoạt quyền sở hữu của người khác bằng vũ lực hoặc bằng các hành động khác tấn công nạn nhân làm cho họ không thể chống cự được. Vì vậy, trong khi thực hiện hành vi cướp tài sản, người phạm tội có thể gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe của nạn nhân. Tuy nhiên, mục đích của người phạm tội này là chiếm đoạt tài sản của người khác chứ không phải là xâm phạm tính mạng, sức khỏe. Việc gây thương tích hoặc làm chết người khi thực hiện hành vi cướp không nằm trong ý định chủ quan của người phạm tội cướp. Hơn nữa, không phải mọi trường hợp phạm tội cướp tài sản đều gây chết người, do vậy, việc áp dụng hình phạt tử chung thân đối với tội phạm này là đủ nghiêm khắc cũng tương tự như trường hợp cố ý gây thương tích dẫn đến chết nhiều người quy định tại khoản 4 Điều 104 của BLHS. Nếu chứng minh được người phạm tội còn có ý định tước đoạt sinh mạng của nạn nhân thì có thể xử lý về tội giết người mà hình phạt cao nhất là tử hình.

- *Loại ý kiến thứ hai* không đồng tình với việc bỏ hình phạt tử hình đối với các tội: phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia; phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược; chống loài người; tội phạm chiến tranh; cướp tài sản, vận chuyển tội phạm chất ma túy. Việc duy trì hình phạt tử hình đối với các tội này là để bảo đảm sự răn đe, phòng ngừa chung.

b) *Về quy định không thi hành án tử hình đối với người bị kết án tử hình về một số tội phạm, nhưng sau khi bị kết án đã khắc phục về cơ bản hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, tích cực hợp tác với các cơ quan chức năng trong việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc lập công lớn (Điểm c khoản 3 Điều 39 dự thảo)*

BLHS hiện hành không quy định vấn đề này.

Dự thảo BLHS (sửa đổi) bổ sung quy định không thi hành án tử hình đối với người bị kết án tử hình về các tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh; tội tham ô tài sản mà sau khi bị kết án đã chủ động khắc phục cơ bản hậu quả của tội phạm do mình gây ra, hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.

Về vấn đề này có hai loại ý kiến:

- *Loại ý kiến thứ nhất* tán thành với quy định này vì:

Thứ nhất, đây là quy định nhằm hạn chế hình phạt tử hình trên thực tế, góp phần thực hiện chủ trương của Nghị quyết 49 về giảm hình phạt tử hình.

Thứ hai, mục đích chính của quy định này là nhằm tạo cho người bị kết án tử hình cơ hội cuối cùng để được sống nhưng phải có sự nỗ lực, tích cực bằng những hành động cụ thể để khắc phục cơ bản hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, hợp tác tích cực trong việc phát hiện, khám phá tội phạm hoặc có sự lập công lớn. Người được áp dụng quy định này vẫn phải chịu án tù chung thân.

Thứ ba, quy định này không chỉ cho phép người bị kết án có cơ hội giữ lại mạng sống mà còn giúp các cơ quan chức năng thu hồi lại được các tài sản bị chiếm đoạt, bị thất thoát, lãng phí (đây là vấn đề nhức nhối hiện nay).

Thứ tư, diện đối tượng áp dụng quy định này cũng rất hẹp, chủ yếu tập trung vào đối tượng bị kết án tử hình về một số tội mang tính kinh tế, như: sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, tham ô. Quy định không áp dụng đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia, xâm phạm tính mạng con người và xâm phạm trật tự, an toàn công cộng (ví dụ: các tội ma túy, khủng bố) thì không áp dụng quy định này.

Thứ năm, đây cũng là kinh nghiệm của Trung Quốc nhằm đấu tranh có hiệu quả đối với tội phạm tham nhũng.

- *Loại ý kiến thứ hai* không đồng tình với quy định này vì cho rằng, điều này ở khía cạnh nào đó sẽ dễ dẫn đến cách hiểu là dùng tiền để thoát án tử hình.

c) *Về vấn đề giảm án đối với người bị kết án tử hình được ân giảm (khoản 3 Điều 63)*

BLHS hiện hành không quy định chế định này.

Khoản 3 Điều 63 của dự thảo BLHS (sửa đổi) quy định:

Phương án 1: Không áp dụng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với trường hợp người bị kết án tử hình được ân giảm.

Phương án 2: Đối với người bị kết án tử hình được ân giảm hoặc người bị kết án tử hình thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 39 Bộ luật này thì thời gian đã chấp hành hình phạt để được xét giảm lần đầu là 20 năm và phải bảo đảm thời hạn thực tế chấp hành hình phạt là 25 năm.

Về vấn đề này hiện có hai loại ý kiến:

- *Loại ý kiến thứ nhất* tán thành với phương án 1 quy định tại khoản 3 Điều 63 của dự thảo BLHS (sửa đổi), vì cho rằng, xét từ góc độ quyền sống của con người được quy định lần đầu tiên trong Hiến pháp 2013 thì việc áp dụng tù chung thân không giảm án là giải pháp có ý nghĩa lớn vì đã tạo cho người đã bị kết án tử hình một cơ hội để tiếp tục được sống, được lao động, gặp gỡ người thân, đồng thời cũng tạo cơ hội để khắc phục sai lầm có thể xảy ra trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đối với người bị kết án tử hình. Những điều này sẽ không thực hiện được nếu án tử hình được thi hành. Quy định này cũng góp phần giảm hình phạt tử hình trên thực tế, đồng thời, đây là một bước quá độ để tiến tới việc loại bỏ hoàn toàn hình phạt tử hình.

- *Loại ý kiến thứ hai* đồng tình với phương án 2 của khoản 3 Điều 63 dự thảo BLHS (sửa đổi) và đề nghị bổ sung quy định đối với người bị kết án tử hình được ân giảm hoặc người bị kết án tử hình thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 39 Bộ luật này thì thời gian đã chấp hành hình phạt để được xét giảm lần đầu là 20 năm và phải bảo đảm thời hạn thực tế chấp hành hình phạt là 25 năm.

d) *Về quy định không áp dụng và không thi hành án tử hình đối với người bị kết án từ 75 tuổi trở lên*

BLHS hiện hành không quy định vấn đề này.

Dự thảo BLHS (sửa đổi) bổ sung quy định không áp dụng và không thi hành án tử hình đối với người bị kết án từ 75 tuổi trở lên (Khoản 2, điểm b Khoản 3 Điều 39)

Về vấn đề này có hai loại ý kiến:

- *Loại ý kiến thứ nhất* đồng tình với quy định này vì cho rằng, đây là một hướng góp phần giảm hình phạt tù hình trên thực tế, đồng thời nó mang ý nghĩa nhân đạo sâu sắc, là một đặc ân của Nhà nước đối với đối tượng người bị kết án đã đến tuổi thượng thọ, được hưởng chế độ ưu đãi của Nhà nước.

- *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị không nên bổ sung quy định này vì thực tế tuổi thọ trung bình nước ta đã được nâng cao hơn trước. Mặt khác, người 75 tuổi vẫn có thể là người chỉ huy các băng nhóm tội phạm.

4. Về chuyển đổi hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ thành hình phạt tù có thời hạn (Điều 35 và Điều 36 dự thảo).

BLHS hiện hành không quy định chế định này.

Dự thảo BLHS (sửa đổi) quy định về cơ chế chuyển đổi hình phạt tiền, cải tạo không giam giữ thành hình phạt tù, cụ thể như sau:

- Về chuyển đổi hình phạt tiền thành hình phạt tù có thời hạn, khoản 4 Điều 35 dự thảo quy định:

“PA 1. Khi tuyên hình phạt tiền là hình phạt chính, Tòa án tuyên nếu trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị kết án không chấp hành thì hình phạt tiền được chuyển đổi thành hình phạt tù, đồng thời ấn định mức phạt tù mà người đó phải chấp hành theo nguyên tắc sau:

a) Nếu khung hình phạt áp dụng không có quy định hình phạt tù thì mức phạt tù cao nhất không quá 03 năm tù;

b) Nếu khung hình phạt được áp dụng có quy định hình phạt tù lựa chọn với phạt tiền thì mức phạt tù cao nhất không quá mức cao nhất của hình phạt tù tại khung hình phạt tương ứng;

c) Trường hợp người bị kết án đã chấp hành một phần hình phạt tiền thì căn cứ vào phần hình phạt còn lại phải chấp hành, Tòa án quyết định chuyển đổi thành mức hình phạt tù tương ứng.

Không áp dụng quy định tại khoản này đối với pháp nhân, người bị kết án là người chưa thành niên, phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người già yếu, người khuyết tật nặng.

PA 2. Không quy định khoản này”.

- Về chuyển hình phạt cải tạo không giam giữ thành hình phạt tù có thời hạn, Khoản 5 Điều 36 dự thảo quy định:

“5. Khi tuyên hình phạt cải tạo không giam giữ, Tòa án tuyên trong bản án trường hợp người bị kết án cố tình không thực hiện các nghĩa vụ thì hình phạt này được

chuyển thành hình phạt tù theo nguyên tắc 03 ngày cải tạo không giam giữ bằng 01 ngày tù.

Không áp dụng quy định này đối với người bị kết án là người chưa thành niên, phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người già yếu, người khuyết tật nặng.”

Về vấn đề này có hai loại ý kiến:

- *Loại ý kiến thứ nhất* tán thành việc bổ sung cơ chế chuyển đổi từ hình phạt tiền hoặc hình phạt cải tạo không giam giữ sang hình phạt tù có thời hạn, vì:

Thứ nhất, một trong những định hướng lớn sửa đổi BLHS lần này là giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số tội phạm theo tinh thần Nghị quyết 49 của Đảng về cải cách tư pháp. Theo đó, dự thảo đã bổ sung hình phạt tiền, cải tạo không giam giữ vào nhiều điều luật. Tuy nhiên, kết quả tổng kết thực tiễn hơn 14 năm thi hành BLHS cho thấy, hình phạt tiền và hình phạt cải tạo không giam giữ tính khả thi không cao, hiệu quả kém, vì thế đã phần nào làm giảm tính nghiêm minh của pháp luật. Do đó, cần thiết bổ sung cơ chế chuyển phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ thành hình phạt tù có thời hạn trong trường hợp người bị kết án không chấp hành án để bảo đảm tăng tính răn đe, phòng ngừa của hình phạt này. Nếu để xử lý về tội không chấp hành án thì quá lâu và còn làm nặng thêm tình trạng của người bị kết án (đồng thời phải chấp hành hai bản án) Việc chuyển đổi này cũng là kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới.

Thứ hai, việc quy định chuyển đổi hình phạt là nhằm bảo đảm tính khả thi của hình phạt tiền và hình phạt cải tạo không giam giữ trên thực tế. Khi chuyển đổi thì người bị kết án phạt tiền, cải tạo không giam giữ chỉ phải chấp hành hình phạt tù (hình phạt tiền, cải tạo không giam giữ được quy đổi). Nếu không quy định trường hợp này, người bị kết án không chịu chấp hành án có thể bị truy tố về tội không chấp hành án. Điều này xảy ra tình trạng cùng một lúc người bị kết án phải đồng thời chấp hành hai loại hình phạt chính khác nhau.

- *Loại ý kiến thứ hai* không tán thành với quy định việc chuyển hình phạt tiền thành hình phạt tù vì cho rằng, không nên cùng một lúc áp dụng hai loại hình phạt khác nhau. Nếu người bị kết án không chấp hành hình phạt sẽ bị truy tố về tội không chấp hành án; việc chuyển đổi này sẽ làm xấu hơn tình trạng của bị cáo (là đang từ không tước tự do là phạt tiền và cải tạo không giam giữ bị chuyển thành hình phạt tù).

5. Về hình phạt Trục xuất

Bộ luật hình sự hiện hành quy định hình phạt Trục xuất vừa là hình phạt chính, vừa là hình phạt bổ sung (Điều 28 và Điều 32 BLHS 1999). Dự thảo BLHS (Điều 32) quy định hình phạt này áp dụng theo hai phương án: *Phương án thứ nhất*: giữ nguyên như BLHS hiện hành (vừa là hình phạt chính vừa là hình phạt bổ sung); *Phương án hai* chỉ là hình phạt bổ sung.

Về vấn đề này hiện có hai loại ý kiến.

- *Loại ý kiến thứ nhất* cho rằng, nên giữ như quy định hiện hành, theo đó, hình phạt trục xuất vừa có thể áp dụng là hình phạt chính, có thể là hình phạt bổ sung để bảo đảm sự linh hoạt cho Tòa án trong việc cân nhắc áp dụng hình phạt trục xuất trong từng trường hợp phạm tội cụ thể và từng đối tượng phạm tội cụ thể.

- *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị chỉ nên áp dụng hình phạt này với tư cách là hình phạt bổ sung vì cho rằng, người phạm tội (dù là công dân Việt Nam hay người nước ngoài) khi bị đưa ra xét xử tại Tòa án Việt Nam theo pháp luật hình sự Việt Nam thì cần phải bình đẳng, trong đó bao hàm cả sự bình đẳng về việc áp dụng loại, mức hình phạt và nghĩa vụ chấp hành hình phạt. Sẽ bất công nếu công dân Việt Nam phạm một tội cụ thể trên lãnh thổ Việt Nam thì phải chịu cả hình phạt chính lẫn hình phạt bổ sung và các nghĩa vụ dân sự khác, trong khi đó, nếu đối tượng phạm tội là người nước ngoài (cũng phạm tội đó) lại có thể chỉ bị áp dụng hình phạt trục xuất (với ý nghĩa là hình phạt chính) mà không phải chịu thêm một nghĩa vụ nào khác. Trong khi đó, thực tiễn cho thấy, khi công dân Việt Nam phạm tội ở nước ngoài thì thông thường phải chấp hành xong hình phạt và các nghĩa vụ thì mới bị trục xuất.

6. Về việc thay thế tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng bằng những tội danh cụ thể trong các lĩnh vực kinh tế

BLHS hiện hành quy định tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 165).

Dự thảo BLHS (sửa đổi) dự kiến cụ thể hóa hành vi phạm tội có tính chất cố ý làm trái trong các lĩnh vực kinh tế và quy định thành các tội danh cụ thể trong từng lĩnh vực để thay thế cho tội danh này.

Về vấn đề này có hai loại ý kiến:

- *Loại ý kiến thứ nhất* đồng tình với đề xuất như trong dự thảo BLHS (sửa đổi) vì:

- Thứ nhất, để tăng cường tính minh bạch của BLHS, nhất là trong khi Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế từ cơ chế tập trung

sang cơ chế thị trường và hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, nhiều chính sách kinh tế vừa làm vừa thử nghiệm thì việc duy trì một tội phạm với dấu hiệu cấu thành là “cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” được coi như là một “trở ngại”, làm nản lòng các nhà đầu tư, nhà quản lý. Do đó, dự thảo BLHS (sửa đổi) dự kiến chuyển dấu hiệu tội phạm của tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng (từ cấu thành tội phạm chung) bằng cách rà soát, quy định trong các cấu thành tội phạm cụ thể.

Thứ hai, dự thảo BLHS (sửa đổi) không đặt vấn đề bãi bỏ tội cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng mà chỉ cụ thể hóa hành vi phạm tội này thành các tội danh cụ thể trong từng lĩnh vực để bảo đảm tính công khai, minh bạch của BLHS, tránh sự tùy tiện trong việc áp dụng BLHS để xử lý tội phạm, qua đó góp phần bảo vệ quyền con người, quyền công dân theo tinh thần Hiến pháp mới năm 2013. Theo đó, tội cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng được cụ thể hóa trong 45 tội danh xâm phạm trật tự quản lý kinh tế thuộc 3 nhóm lĩnh vực: 1) sản xuất, kinh doanh, thương mại; 2) thuế, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm; 3) lĩnh vực kinh tế khác. Bên cạnh đó, BLHS cũng có một số điều khoản mang tính chất “cố ý làm trái” trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Ngoài ra, trong chương các tội phạm về chức vụ cũng đã quy định một số tội danh liên quan đến hành vi “cố ý làm trái” của người có chức vụ, quyền hạn như: tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ.

- *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị cần nhắc chưa nên bỏ tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng, vì nếu chúng ta không lường hết được các trường hợp xảy ra, thì có thể dẫn đến tình trạng bỏ lọt tội phạm.

7. Về việc bổ sung trường hợp xử lý hình sự đối với người trộm cắp tài sản có giá trị dưới 2 triệu đồng

BLHS hiện hành quy định trường hợp trộm cắp tài sản dưới 2 triệu đồng mà gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì vẫn bị xử lý hình sự.

Ngoài 03 trường hợp trên, dự thảo BLHS (sửa đổi) bổ sung thêm trường hợp thứ tư là tuy tài sản bị chiếm đoạt có giá trị dưới 2 triệu đồng nhưng đó lại là “phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ hoặc có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại và gia đình họ” thì vẫn bị xử lý hình sự (Điểm d khoản 1 Điều 172).

Về vấn đề này có hai loại ý kiến:

- *Loại ý kiến thứ nhất* nhất trí với việc bổ sung quy định này để giải quyết những bức xúc của người dân trong thời gian vừa qua đối với những trường hợp trộm cắp tài sản có giá trị không đến 2 triệu đồng nhưng gây ảnh hưởng lớn đến trật tự, an toàn xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống mưu sinh hàng ngày của người dân.

- *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị giữ nguyên như quy định hiện hành.

8. Về việc bãi bỏ một số tội phạm và bổ sung một số tội phạm mới

Trên cơ sở kết quả tổng kết thực tiễn thi hành BLHS và ý kiến đề xuất của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức hữu quan, dự thảo BLHS (sửa đổi) dự kiến bãi bỏ một số tội danh và bổ sung một số tội danh mới, cụ thể như sau:

a) Các tội danh dự kiến bãi bỏ:

Dự thảo BLHS (sửa đổi) dự kiến bãi bỏ 05 tội danh sau đây:

- Tội hoạt động phi (Điều 83 BLHS hiện hành);
- Tội tảo hôn (Điều 147 BLHS hiện hành);
- Tội kinh doanh trái phép (Điều 159 BLHS hiện hành);
- Tội báo cáo sai trong quản lý kinh tế (Điều 167 BLHS hiện hành);
- Tội không chấp hành các quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, quy chế hành chính (Điều 269 BLHS hiện hành).

Về vấn đề này, cơ bản các ý kiến đều thống nhất. Tuy nhiên còn một vài tội còn có hai loại ý kiến khác nhau:

- *Loại ý kiến thứ nhất* đồng tình với việc bỏ các tội danh này, vì cho rằng, đây là những tội danh không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay. Hơn nữa, trên thực tế hầu như các Tòa án chưa xét xử hoặc xét xử rất ít về các tội phạm này.

- *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị cân nhắc việc bỏ tội kinh doanh trái phép, tội hoạt động phi vì có nguy cơ bỏ lọt tội phạm và việc giữ lại các tội này còn có ý nghĩa răn đe, phòng ngừa tội phạm.

b) Về việc bổ sung các tội danh mới

Nhằm bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, đặc biệt là tạo ra cơ chế hữu hiệu để bảo vệ chế độ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước và tổ chức, góp phần bảo vệ trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, bảo đảm mọi người được sống trong một môi

trường an toàn, lành mạnh; đồng bộ với các luật, bộ luật đã được ban hành cũng như các luật, dự luật đang được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới như Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi), các luật về quyền con người, quyền công dân; đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới; đồng thời thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, dự thảo BLHS (sửa đổi) dự kiến bổ sung 37 tội danh mới sau đây:

- Tội khiêu dâm trẻ em (Điều 146); tội mua bán, chiếm đoạt mô, tạng, các bộ phận cơ thể người (Điều 153);

- Tội đăng ký con nuôi, nhận cha, mẹ, con, trái pháp luật (Điều 184); tội đăng ký hộ tịch trái pháp luật (Điều 185); tội tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại (Điều 189);

- Tội vi phạm quy định về sử dụng điện (Điều 201); tội làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán (Điều 216); tội trục lợi trong kinh doanh bảo hiểm (Điều 217); tội gian lận bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp (Điều 218);

- Tội gian lận bảo hiểm y tế (Điều 219); tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động (Điều 220); tội vi phạm quy định về cạnh tranh (Điều 221); tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản (Điều 222); tội vi phạm quy định về an toàn vận hành công trình thủy lợi, hồ chứa, liên hồ chứa, đê điều và công trình phòng, chống thiên tai (Điều 234); tội vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông, các công trình về tài nguyên nước (Điều 235);

- Tội tàng trữ trái phép cây giống cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc cây giống các loại cây khác có chứa chất ma túy (Điều 245); tội vận chuyển trái phép cây giống cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc cây giống các loại cây khác có chứa chất ma túy (Điều 246); tội mua bán trái phép cây giống cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc cây giống các loại cây khác có chứa chất ma túy (Điều 247); tội chiếm đoạt cây giống cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc cây giống các loại cây khác có chứa chất ma túy (Điều 248);

- Tội rải đinh hoặc vật sắc, nhọn trên đường bộ (Điều 270); tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm dùng để tấn công mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử (Điều 294); tội truy cập trái phép tài khoản ngân hàng của tổ chức, cá nhân chiếm đoạt tài sản (Điều 300); tội cố ý xâm phạm, tấn công vào trạm trung chuyển Internet quốc gia, hệ thống cơ sở dữ liệu tên miền và hệ thống máy chủ tên miền quốc gia (Điều 301) tội sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh (Điều 302); tội cố ý gây nhiễu có hại (Điều 303);

tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa về tài khoản ngân hàng (Điều 304); tội sản xuất mua bán, tàng trữ, lưu hành thẻ ngân hàng giả để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (Điều 305); tội thiết lập, quản trị, điều hành website để kinh doanh trái phép tiền điện tử, dịch vụ, hàng hóa trên mạng máy tính (Điều 306); tội cưỡng bức lao động (Điều 309); tội bắt cóc con tin (Điều 314); tội cướp biển (Điều 315);

- Tội vi phạm quy định về giam giữ (Điều 401); tội không tôn trọng tòa án (Điều 404); tội ra mệnh lệnh trái pháp luật (Điều 406);

- Tội thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ công tác quân sự gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 409); tội vắng mặt trái phép (Điều 416); tội chiếm đoạt hoặc hủy hoại di vật của tử sỹ (Điều 433).

Loại ý kiến thứ nhất đồng tình với việc bổ sung các tội danh này và cho rằng, việc bổ sung này là tương đối bao quát các lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm thực hiện chủ trương cải cách tư pháp của Đảng, góp phần bảo vệ quyền con người, quyền công dân, nhất là quyền về an sinh xã hội, quyền sống trong môi trường an toàn, lành mạnh và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Loại ý kiến thứ hai đề nghị cân nhắc kỹ việc bổ sung một số tội danh, ví dụ như: tội rải đinh hoặc vật sắc, nhọn trên đường bộ; tội trục lợi trong kinh doanh bảo hiểm.

PHỤ LỤC II

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÓNG GÓP Ý KIẾN CỦA NHÂN DÂN ĐỐI VỚI DỰ THẢO BỘ LUẬT HÌNH SỰ (SỬA ĐỔI)

A. NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO

Báo cáo kết quả lấy ý kiến của Nhân dân về dự thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi) gồm các nội dung chính được trình bày theo bố cục sau:

I. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC LẤY Ý KIẾN ĐỐI VỚI DỰ THẢO BỘ LUẬT HÌNH SỰ (SỬA ĐỔI)

- Công tác tổ chức lấy ý kiến;
- Các hình thức tổ chức lấy ý kiến;
- Số lượt người tham gia ý kiến

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG ĐỐI VỚI DỰ THẢO BỘ LUẬT HÌNH SỰ (SỬA ĐỔI)

Nhận xét chung về ưu điểm, nhược điểm của toàn bộ dự thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi), gồm:

- Sự phù hợp của dự thảo Bộ luật Hình sự với các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng;
- Sự phù hợp của dự thảo Bộ luật Hình sự với Hiến pháp;
- Việc giải quyết những vấn đề bất cập, tồn tại của thực tiễn đặt ra trong quá trình tổng kết việc thi hành Bộ luật Hình sự;
- Phù hợp các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- Về tính dự báo và ổn định lâu dài của dự thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi).

III. Ý KIẾN CỤ THỂ VỀ NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO BỘ LUẬT HÌNH SỰ (SỬA ĐỔI)

Tham gia ý kiến vào toàn bộ dự thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi), bao gồm:

1. Những sửa đổi, bổ sung của dự thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi) thuộc phần chung (ý kiến cụ thể về nội dung cụ thể cần sửa đổi, đề xuất phương án sửa đổi và lý do của việc sửa đổi);

2. Những sửa đổi, bổ sung của dự thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi) thuộc phần các tội phạm cụ thể (ý kiến cụ thể về nội dung cụ thể cần sửa đổi, đề xuất phương án sửa đổi và lý do của việc sửa đổi);

3. Những sửa đổi, bổ sung về bố cục và kết cấu, vị trí của các chương, điều, khoản của dự thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi) (nêu ý kiến cụ thể và đề xuất phương án sửa đổi);

4. Về ngôn ngữ diễn đạt và kỹ thuật xây dựng của các quy định của dự thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi).

IV. THAM GIA GÓP Ý KIẾN VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM ĐƯỢC XÁC ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC I CỦA KẾ HOẠCH NÀY (Trong đó tổng hợp cụ thể số người tán thành, không tán thành đối với từng phương án cụ thể; lý do của việc tán thành hay không tán thành (nếu có).

1. Vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân và loại tội pháp nhân chịu trách nhiệm hình sự.

2. Về phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên và các biện pháp thay thế xử lý hình sự áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội.

3. Về hình phạt trục xuất.

4. Việc bỏ hình phạt tử hình ở một số tội; quy định không áp dụng hình phạt tử hình, không thi hành án tử hình trong một số trường hợp; quy định không giảm án đối với người bị kết án tử hình nhưng được ân giảm xuống tù chung thân.

5. Về chuyển đổi hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ thành hình phạt tù có thời hạn.

6. Về việc thay thế dấu hiệu tội phạm của tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng trong cấu thành của các tội phạm cụ thể.

7. Về việc xử lý hình sự đối với trường hợp trộm cắp tài sản dưới 2 triệu đồng.

8. Về việc bãi bỏ một số tội phạm và bổ sung một số tội phạm mới nhằm bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ, thúc đẩy nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thực hiện chủ trương hội nhập quốc tế.

B. YÊU CẦU TRÌNH BÀY ĐỐI VỚI NỘI DUNG BÁO CÁO

- Báo cáo phải tập hợp và phản ánh đầy đủ, khách quan, trung thực các ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Đối với mỗi nội dung của dự thảo được góp ý thì cần chú thích cụ thể từng đối tượng góp ý, như là ý kiến của chuyên gia, nhà khoa học, ý kiến của cử tri, ý kiến của cơ quan chuyên môn...